CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân hàng TMCP Việt Á

Ngày 31/12/2025	10,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.0%	**-**	**3.4%**

DT thuần
Q4/25
-1,595
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.00| -0.3%
YoY: ▼265| -20.0%

LN thuần
Q4/25
-16.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.8| -1926%
YoY: ▼0.70| -4.5%

LN sau thuế
Q4/25
0
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2025
18.9%
YoY: +/-▲ 7.7%

ROE
2025

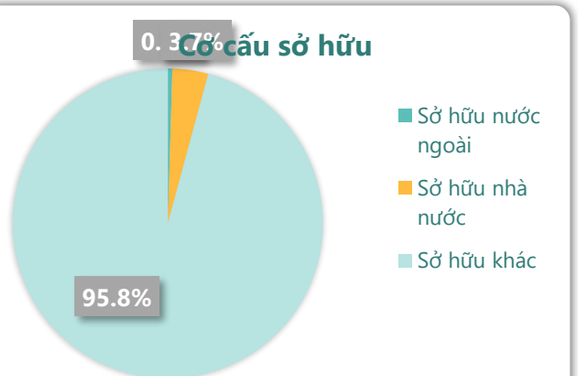
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,490
Số lượng CPLH (CP)	816,360,672
KLGD BQ 20 phiên (CP)	595,200
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.53
EPS	1,595
P/E	6.5

DT thuần
2025
-6,174
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,212| -24.4%

LN thuần
2025
-26.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.80| -34.7%

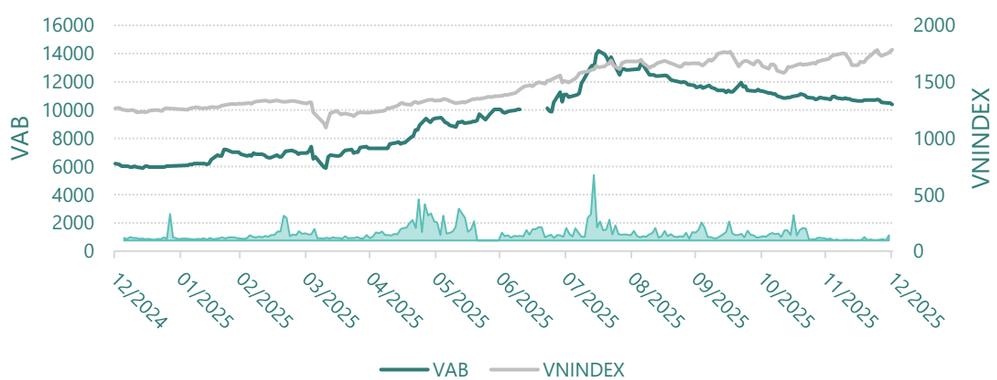
LN sau thuế
2025
0
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

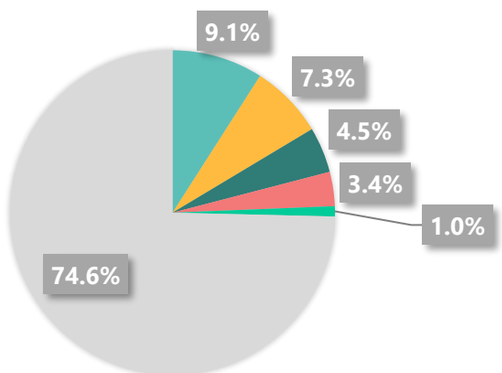


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



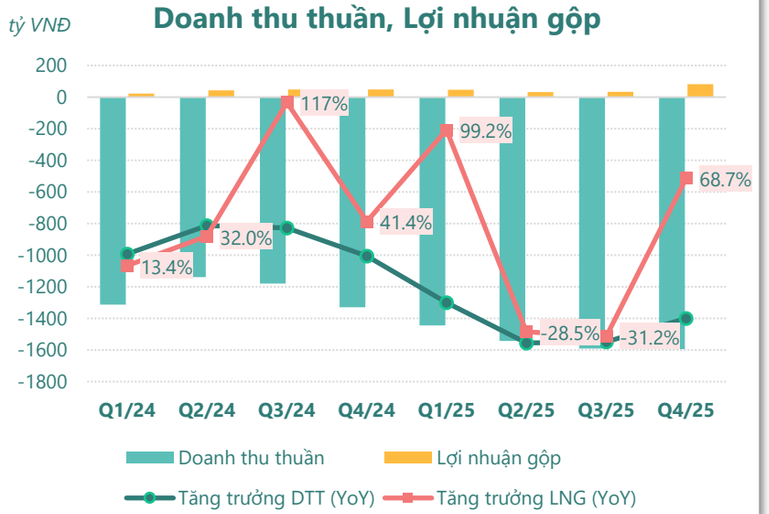
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

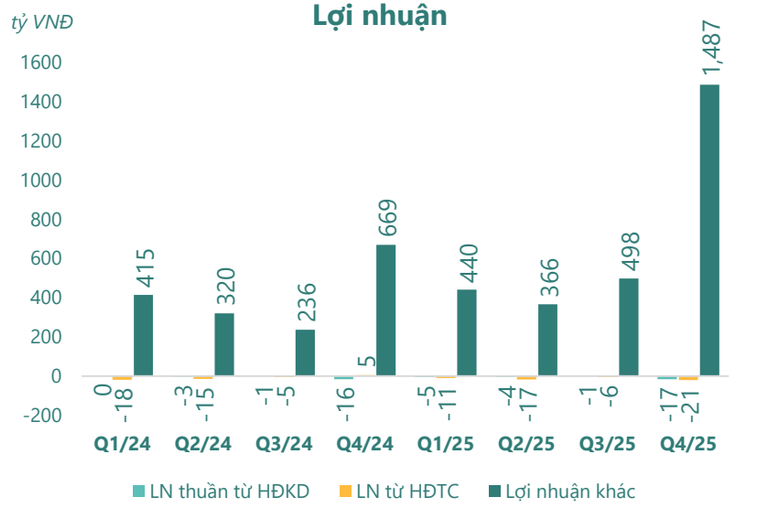
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



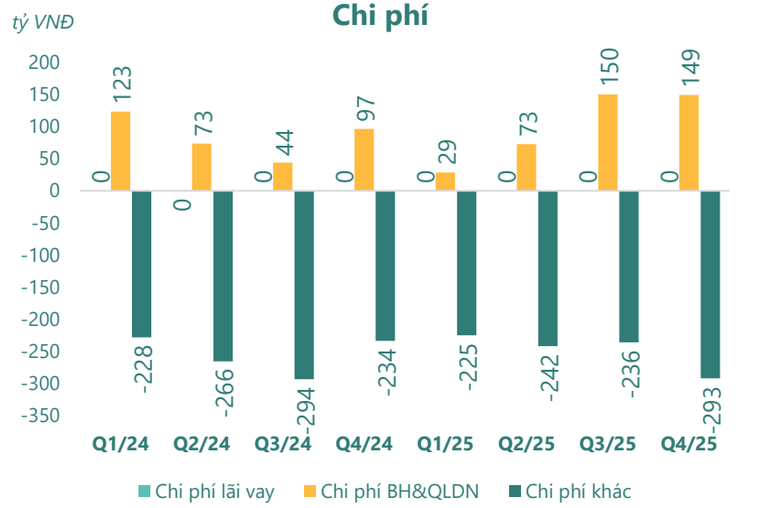
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



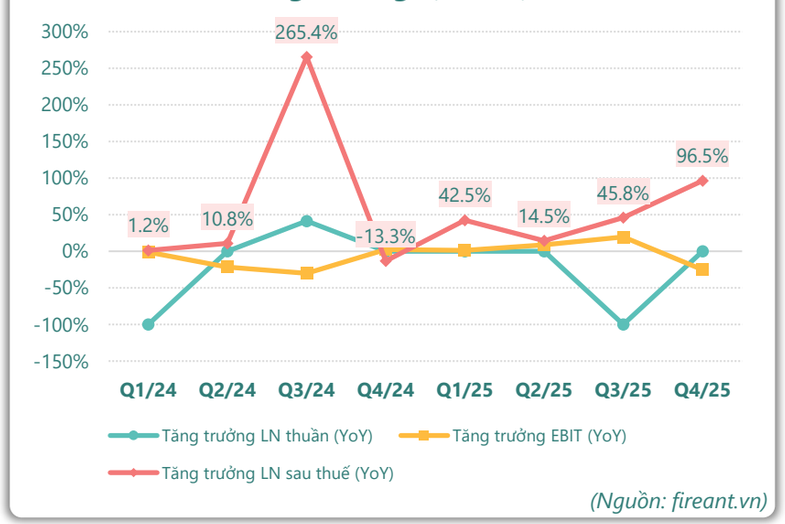
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



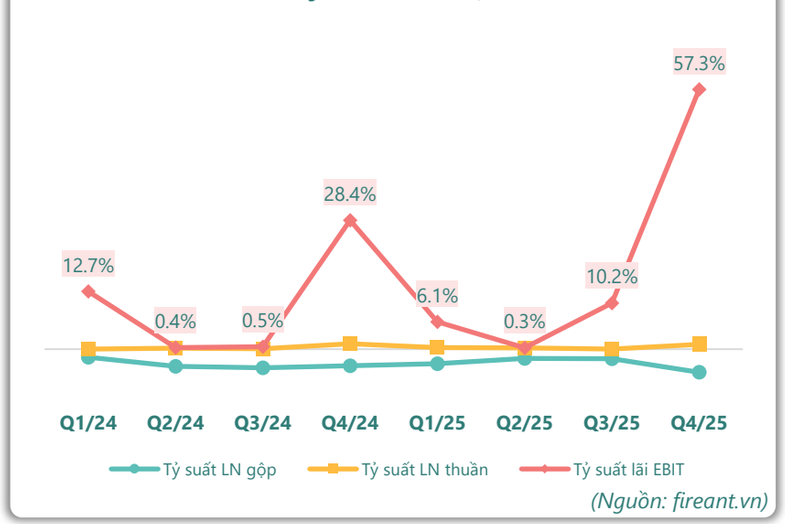
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



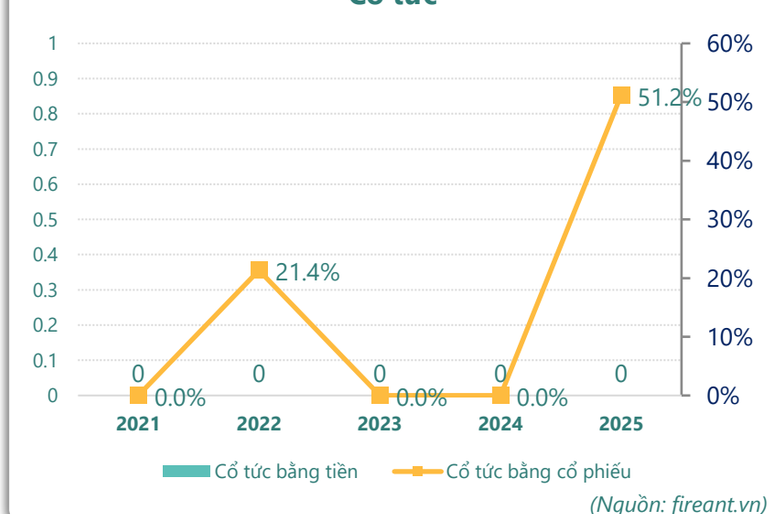
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

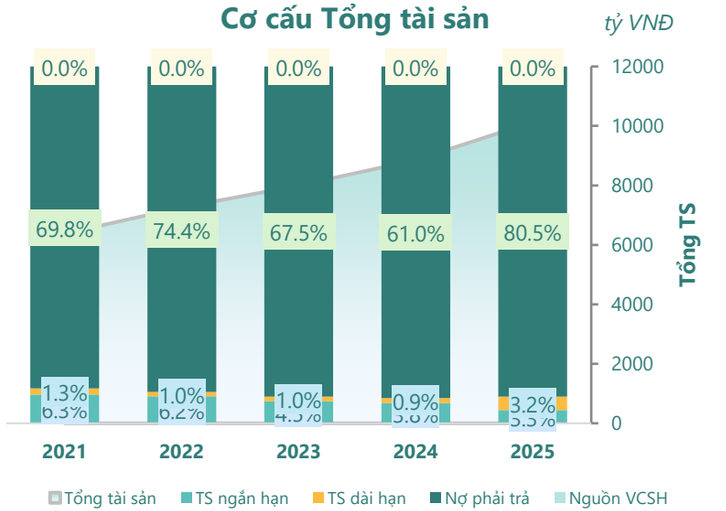
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

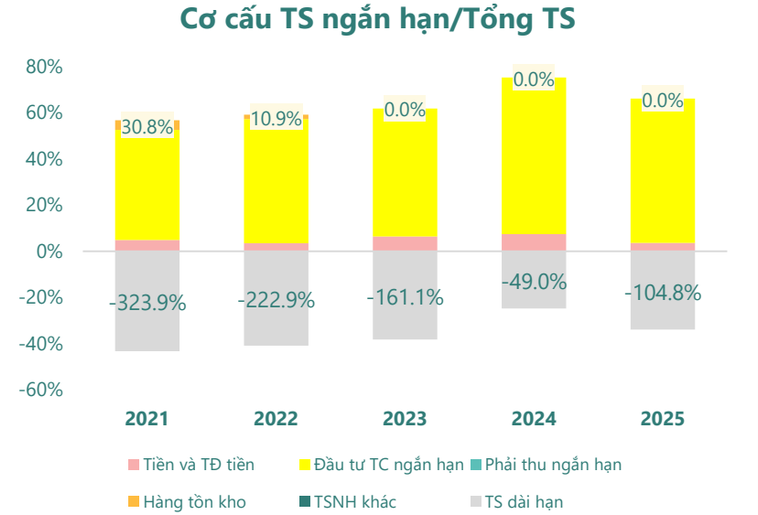
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



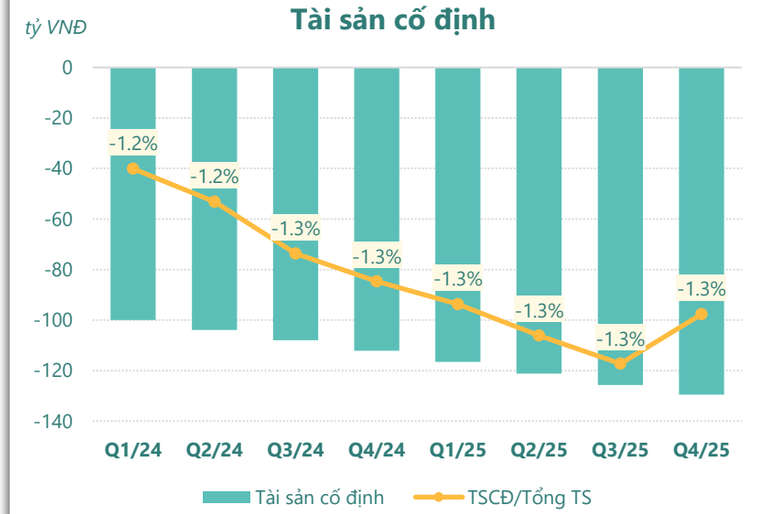
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



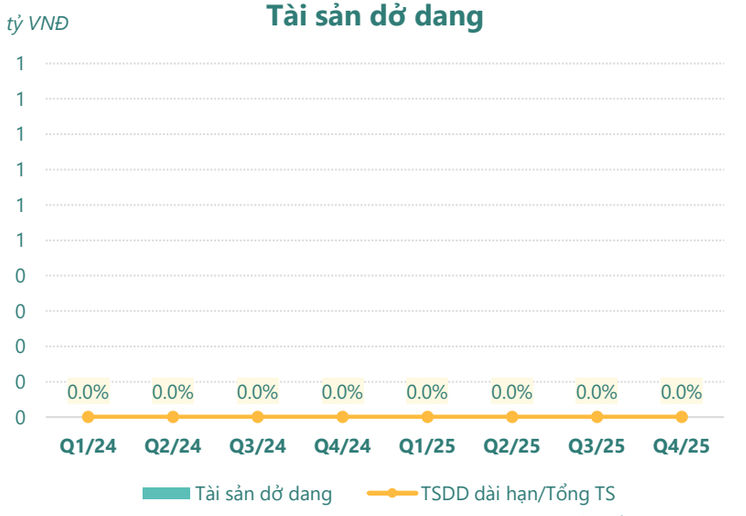
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



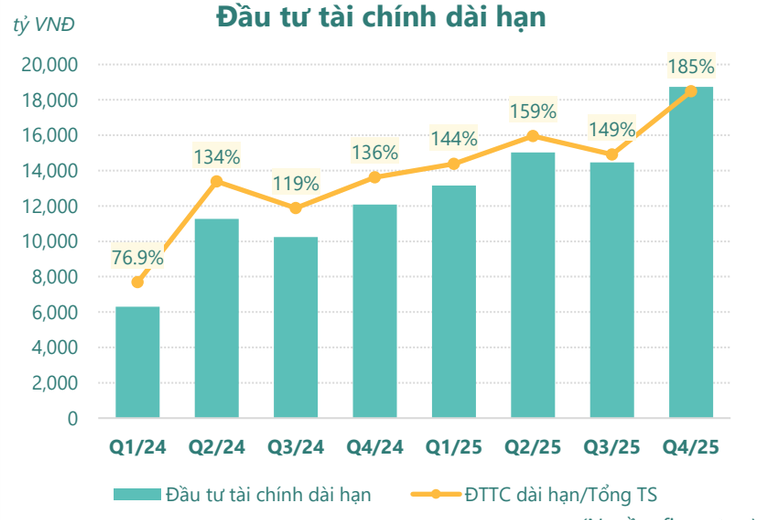
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



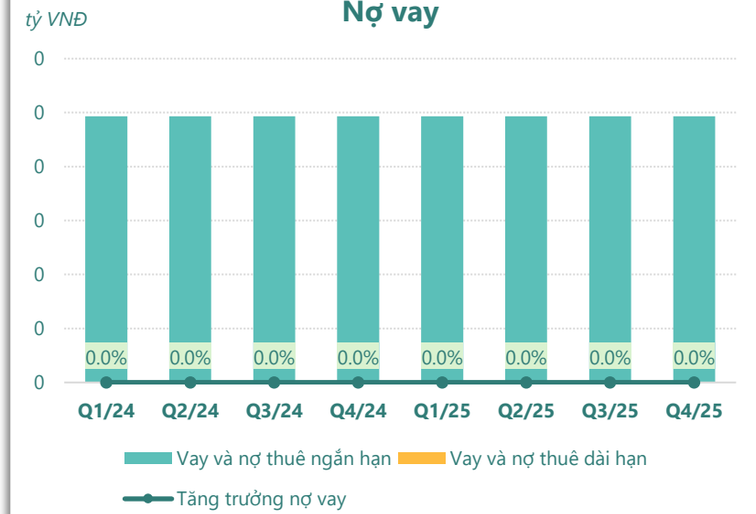
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

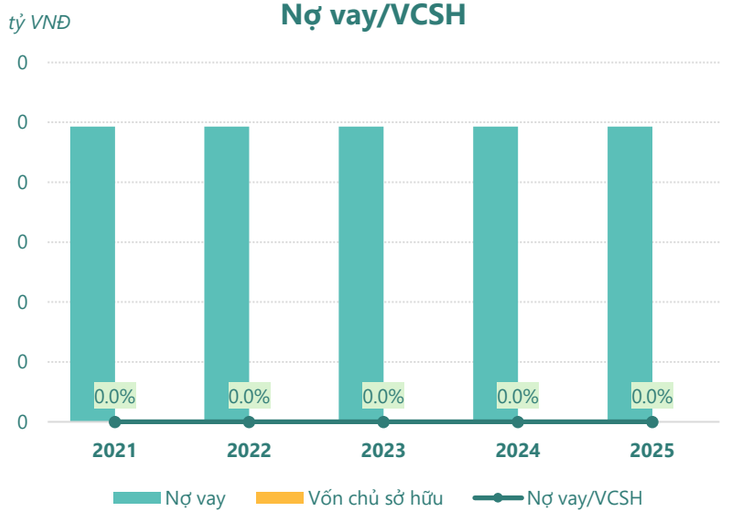
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



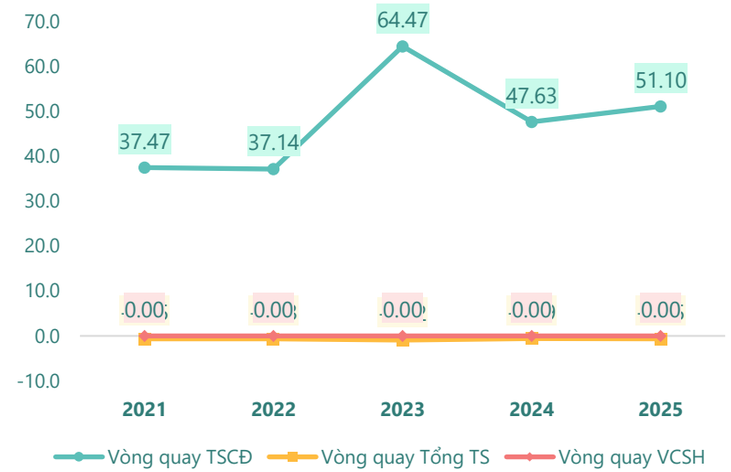
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



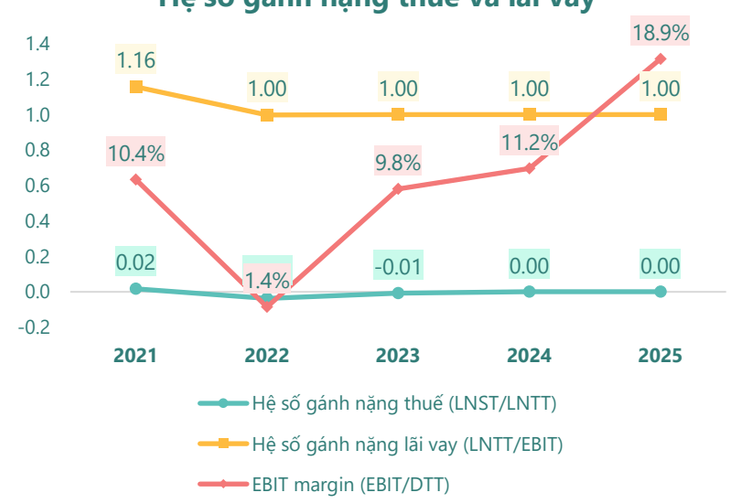
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



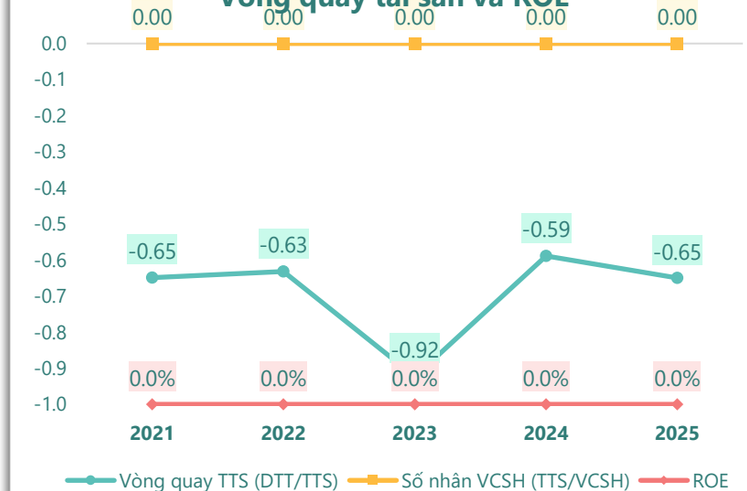
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



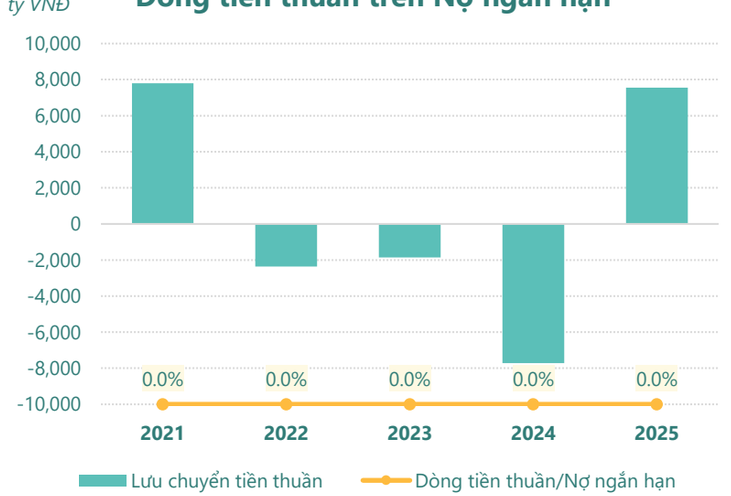
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**-1,595**	**-1,330**	**-20.0%**	**-6,174**	**-4,962**	**-24.4%**
Giá vốn hàng bán	73.4	39.8	84.5%	164	129	27.2%
Lợi nhuận gộp	81.3	48.2	68.7%	192	163	17.7%
Doanh thu HĐTC	-7.90	-8.39	5.9%	-28.4	-34.6	17.8%
Chi phí TC	12.8	-13.1	197%	25.7	-1.47	1849%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	-0.04	100%
LN trong công ty LKLD	**0.54**	**22.7**	**-97.6%**	**-14.2**	**40.0**	**-135%**
Chi phí bán hàng	66.3	40.4	64.1%	187	159	17.8%
Chi phí QLDN	**82.9**	**56.3**	**47.3%**	**214**	**179**	**19.7%**
LN thuần từ HĐKD	-16.6	-15.9	-4.5%	-26.6	-19.8	-34.7%
Lợi nhuận khác	**1,487**	**669**	**122%**	**2,791**	**1,641**	**70.1%**
LN trước thuế	-914	-378	-142%	-1,168	-555	-110%
Lợi nhuận sau thuế	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	210	-803	268	1,781	1,060	4,693
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.00	-0.81	-1.96	5.15	-189	-56.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	14,118	14,322	13,530	13,798	15,583	16,455
Lưu chuyển tiền thuần	**204**	**-804**	**266**	**1,786**	**871**	**4,637**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.88	11.6	2.25	-1.06	1.50	-2.69
Tiền cuối kỳ	14,322	13,530	13,798	15,583	16,455	21,089

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,137**	**8,857**	**14.5%**
Tài sản ngắn hạn	331	333	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	1,131	1,308	-13.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19,628	11,889	65.1%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**328**	**79.5**	**313%**
Phải thu dài hạn	584	319	82.9%
Tài sản cố định	-130	-112	-15.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	18,731	12,078	55.1%
Tài sản dài hạn khác	**2,165**	**2,338**	**-7.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,164	5,400	51.2%
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.10	0.10	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)